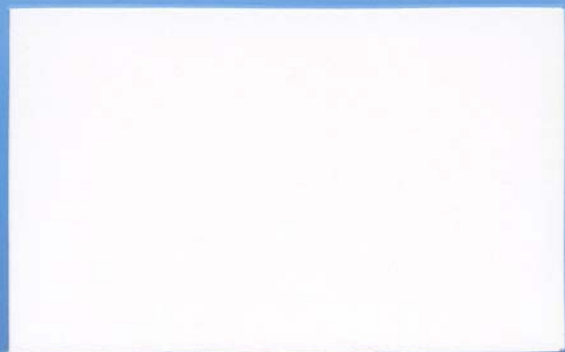


Deloitte.





CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Duy Báu	Chủ tịch
Ông Ngô Hải An	Ủy viên
Ông Mai Văn Đình	Ủy viên
Ông Đỗ Công Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Duy Báu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 17 tháng 01 năm 2011)
Ông Ngô Hải An	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 17 tháng 01 năm 2011)
Ông Mai Văn Đình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2012

Số: 969 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán phát hành ngày 28 tháng 01 năm 2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

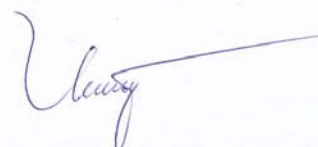
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Dặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Lã Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0771/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		656.912.443.125	562.295.935.645
I. Tiền	110	5	36.570.355.005	24.676.167.552
1. Tiền	111		36.570.355.005	24.676.167.552
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		213.035.913.455	215.866.529.107
1. Phải thu khách hàng	131		192.227.749.983	177.147.720.858
2. Trả trước cho người bán	132		14.826.447.195	15.923.564.926
3. Các khoản phải thu khác	135	6	12.299.431.761	23.315.323.331
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.317.715.484)	(520.080.008)
III. Hàng tồn kho	140	7	399.165.003.617	319.762.567.340
1. Hàng tồn kho	141		399.165.003.617	319.762.567.340
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.141.171.048	1.990.671.646
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.689.439.504	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.451.731.544	1.990.671.646
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		51.181.218.874	37.623.411.925
I. Tài sản cố định	220		42.655.700.212	30.572.092.284
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	40.597.651.757	29.332.017.383
- Nguyên giá	222		94.387.746.192	74.771.717.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.790.094.435)	(45.439.700.256)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	2.058.048.455	1.240.074.901
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.591.340.115	3.591.340.115
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	3.591.340.115	3.591.340.115
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.934.178.547	3.459.979.526
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.934.178.547	3.459.979.526
TÀI SẢN (270=100+200)	270		708.093.661.999	599.919.347.570

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bìn Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011		31/12/2010	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		611.758.625.509		507.414.906.435	
I. Nợ ngắn hạn	310		593.177.754.783		491.370.874.596	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	251.838.407.266		165.378.064.161	
2. Phải trả người bán	312		133.461.511.115		114.184.316.156	
3. Người mua trả tiền trước	313		109.491.768.535		165.134.206.881	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.546.672.637		2.935.861.009	
5. Phải trả người lao động	315		10.427.269.000		5.210.457.000	
6. Chi phí phải trả	316	13	21.445.515.592		12.281.410.381	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	61.445.638.620		20.732.599.974	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.520.972.018		5.513.959.034	
II. Nợ dài hạn	330		18.580.870.726		16.044.031.839	
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	15.681.372.700		7.306.280.000	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.990.407.117		1.828.362.498	
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		909.090.909		6.909.389.341	
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		96.335.036.490		92.504.441.135	
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	96.335.036.490		92.504.441.135	
1. Vốn điều lệ	411		50.000.000.000		50.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.828.000.000		9.828.000.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.397.093.115		1.225.495.749	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		117.425	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.051.931.993		17.318.144.907	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.804.781.886		2.330.515.886	
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.253.229.496		11.802.167.168	
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		708.093.661.999		599.919.347.570	

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2012

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2011	Năm 2010
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	841.665.860.041	550.840.995.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		841.665.860.041	550.840.995.179
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	772.007.630.184	509.030.142.817
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		69.658.229.857	41.810.852.362
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.197.645.568	767.964.338
7. Chi phí tài chính	22	20	38.056.239.891	17.501.461.388
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.056.239.891	17.992.685.149
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.503.433.961	10.949.703.248
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		12.296.201.573	14.127.652.064
10. Thu nhập khác	31		3.959.382.663	1.538.037.491
11. Chi phí khác	32		83.728.906	5.966.665
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.875.653.757	1.532.070.826
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.171.855.330	15.659.722.890
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	3.918.625.834	3.857.555.722
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		12.253.229.496	11.802.167.168
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	2.451	2.360

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2012

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.171.855.330	15.659.722.890
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.449.735.160	7.506.984.710
Các khoản dự phòng	03	5.797.635.476	(269.993.216)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.292.785.599)	(767.964.338)
Chi phí lãi vay	06	38.056.239.891	17.992.685.149
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	67.182.680.258	40.121.435.195
(Tăng) các khoản phải thu	09	(3.012.473.294)	(43.641.411.474)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(79.402.436.277)	(59.921.452.190)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.461.767.135	26.405.772.282
(Tăng) chi phí trả trước	12	(1.474.199.021)	(1.112.120.343)
Tiền lãi vay đã trả	13	(37.708.356.346)	(17.992.685.149)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.191.445.733)	(3.971.185.857)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	702.931.856	2.100.506.984
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.534.159.441)	(3.151.167.407)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(56.975.690.863)	(61.162.307.959)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(22.284.442.983)	(8.122.625.498)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.121.943.636	1.509.412.491
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.196.941.858	767.964.338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.965.557.489)	(5.845.248.669)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	503.086.805.272	335.994.065.617
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(408.251.369.467)	(281.080.100.540)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	87.835.435.805	47.913.965.077
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.894.187.453	(19.093.591.551)
Tiền tồn đầu năm	60	24.676.167.552	43.769.759.103
Tiền tồn cuối năm	70	36.570.355.005	24.676.167.552

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 275.000.000 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
SỐ 5**

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng

Ngày 02 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 07/QĐ-TTGDHN của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là VC5.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 816 (31 tháng 12 năm 2010: 831).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình công nghiệp và thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cảng thủy và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện; Gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Dịch vụ môi giới, cung ứng và quản lý lao động trong nước;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Kinh doanh các sản phẩm từ gỗ công nghiệp phục vụ trong xây dựng và gia dụng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bìn Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 24.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phần phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đàn giáo, cốp pha được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bìn Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	452.724.354	277.833.201
Tiền gửi ngân hàng	36.117.630.651	24.398.334.351
	<u>36.570.355.005</u>	<u>24.676.167.552</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ứng trước cho các đội xây dựng	11.994.026.148	23.274.599.852
Phải thu khác	305.405.613	40.723.479
	<u>12.299.431.761</u>	<u>23.315.323.331</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.974.611.127	3.529.467.114
Công cụ, dụng cụ	198.989.812	173.739.339
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	393.991.402.678	316.059.360.887
	<u>399.165.003.617</u>	<u>319.762.567.340</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>399.165.003.617</u>	<u>319.762.567.340</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	11.426.967.553	40.799.360.262	14.571.581.002	7.973.808.822	74.771.717.639
Mua trong kỳ	-	4.853.185.455	748.543.183	158.804.363	5.760.533.001
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	15.980.936.428	15.980.936.428
Thanh lý, nhượng bán	-	1.070.716.921	1.044.263.955	10.460.000	2.125.440.876
Tại ngày 31/12/2011	<u>11.426.967.553</u>	<u>44.581.828.796</u>	<u>14.275.860.230</u>	<u>24.103.089.613</u>	<u>94.387.746.192</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	4.056.811.625	23.671.387.816	10.087.775.178	7.623.725.637	45.439.700.256
Trích khấu hao trong kỳ	280.337.970	5.704.867.750	1.584.703.077	2.879.826.363	10.449.735.160
Thanh lý, nhượng bán	-	1.044.617.026	1.044.263.955	10.460.000	2.099.340.981
Tại ngày 31/12/2011	<u>4.337.149.595</u>	<u>28.331.638.540</u>	<u>10.628.214.300</u>	<u>10.493.092.000</u>	<u>53.790.094.435</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>7.089.817.958</u>	<u>16.250.190.256</u>	<u>3.647.645.930</u>	<u>13.609.997.613</u>	<u>40.597.651.757</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>7.370.155.928</u>	<u>17.127.972.446</u>	<u>4.483.805.824</u>	<u>350.083.185</u>	<u>29.332.017.383</u>

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 24.180.601.368 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 23.796.957.158 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 15, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 33.660.093.175 đồng để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.240.074.901	1.388.246.556
Phát sinh tăng trong năm	16.798.909.982	6.240.000
Chuyển sang tài sản cố định	15.980.936.428	-
Giảm khác	-	154.411.655
Tại ngày 31 tháng 12	<u>2.058.048.455</u>	<u>1.240.074.901</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, có tổng vốn điều lệ là 10 tỷ đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101295134 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, số cổ phần mà Công ty nắm giữ tại công ty con này là 510.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ sở hữu là 51%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp đủ số vốn đã cam kết, với tổng số tiền là 3.591.340.115 đồng.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	243.951.767.266	161.423.424.161
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 15)	7.886.640.000	3.954.640.000
	<u>251.838.407.266</u>	<u>165.378.064.161</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức các hợp đồng vay có thời hạn nhỏ hơn 01 năm. Các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty, thực hiện các công trình trong năm và được đảm bảo bằng tài sản cố định, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng vay từ 14%/năm đến 20,5%/năm.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	152.610.776.923	102.197.225.750
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bim Sơn	75.899.506.721	44.166.109.254
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	15.441.483.622	15.060.089.157
	<u>243.951.767.266</u>	<u>161.423.424.161</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.210.734.396
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.386.868.543	1.659.688.442
Thuế thu nhập cá nhân	159.804.094	11.984.371
Các loại thuế khác	-	53.453.800
	<u>1.546.672.637</u>	<u>2.935.861.009</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước cho các công trình	16.732.212.043	12.265.501.290
Chi phí lãi vay	649.429.970	-
Trích trước chi phí kiểm toán	60.847.080	15.909.091
Hàng hóa, dịch vụ mua về chưa có hóa đơn	4.003.026.499	-
	<u>21.445.515.592</u>	<u>12.281.410.381</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	599.540.668	524.509.813
Phải trả các đối xây dựng	60.661.846.952	19.942.939.161
Các khoản phải trả, phải nộp khác	184.251.000	265.151.000
	61.445.638.620	20.732.599.974

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn (i)	21.353.732.700	7.812.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt (ii)	2.214.280.000	3.448.920.000
	23.568.012.700	11.260.920.000

(i) Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn bao gồm:

- Ngày 28 tháng 5 năm 2007, Công ty ký Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/07/HĐ với hạn mức cho vay là 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay áp dụng cho năm 2007 là 1%/tháng (12%/năm). Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần, vào ngày 01/01 và ngày 01/07 hàng năm trên cơ sở lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) tại thời điểm chính cộng (+) biên độ tối thiểu 3,5%/ năm. Biên độ được điều chỉnh theo kết quả phân loại khách hàng tại thời điểm gần nhất và thông báo của ngân hàng về biên độ áp dụng đối với từng nhóm khách hàng tại thời điểm điều chỉnh (nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay cùng loại đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh). Mục đích khoản vay để đầu tư thiết bị thủ công cho các công trình thủy điện và công trình nhà cao tầng, dây chuyền trạm trộn bê tông thương phẩm công suất 60m³/h. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của công trình. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư của khoản vay này là 4.200.000.000 đồng.
- Ngày 23 tháng 7 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/10/HĐ, hạn mức cho vay 5.600.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày hợp đồng, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để đầu tư thiết bị bổ sung dây chuyền trạm trộn và cung ứng bê tông cho xây dựng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư khoản vay này là 892.000.000 đồng.
- Ngày 11 tháng 11 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 02/10/HĐ, hạn mức vay là 17.900.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm, lãi suất cho vay từng lần được áp dụng lãi suất tại thời điểm khách hàng nhận vốn vay và được thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ lần rút vốn vay đầu tiên và bằng lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích khoản vay để thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị thi công. Khoản vay được đảm bảo từ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư khoản vay này là 13.508.177.700 đồng.
- Ngày 07 tháng 10 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 230/2011/HĐ với hạn mức cho vay là 2.900.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ thời điểm ký hợp đồng tín dụng và bằng lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để thanh toán tiền thiết bị thi công. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư khoản vay này là 2.753.555.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(ii) Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt bao gồm:

- Ngày 25 tháng 12 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 378.09.056.39504.TD, hạn mức vay là 2.362.500.000 đồng, thời hạn 48 tháng, lãi suất cho vay kỳ đầu tiên là 12%/năm, lãi suất được điều chỉnh cho các kỳ tiếp theo là ngày làm việc đầu tiên mỗi tháng và được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng (loại trả lãi sau) cộng biên độ 4%/năm. Mục đích của khoản vay là đầu tư mua 01 cầu bánh xích. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư khoản vay này là 1.169.280.000 đồng.
- Ngày 27 tháng 4 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 112.10.056.39504.TD, hạn mức vay là 796.000.000 đồng, thời hạn thanh toán 38 tháng. Lãi suất tại thời điểm vay là 16%/năm, lãi suất thả nổi bắt đầu được áp dụng từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân loại 24 tháng VND (trả lãi sau) của Ngân hàng được công bố và áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng lãi suất biên là 4,2%/năm, lãi suất biên có thể được thay đổi theo thỏa thuận của các bên trên cơ sở lãi suất thị trường tại từng thời điểm. Trong mọi trường hợp, lãi suất thả nổi không thấp hơn 15,2%/năm. Mục đích vay là để đầu tư mua 1 máy đào bánh lốp. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, giá trị tài sản là 1.138.214.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư của khoản vay này là 430.000.000 đồng.
- Ngày 17 tháng 6 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 180.10.056.39504.TD, hạn mức vay là 1.230.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 36 tháng. Lãi suất tại thời điểm vay là 15%/năm. Lãi suất thả nổi bắt đầu được áp dụng từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân loại 24 tháng VND (trả lãi sau) của ngân hàng được công bố và áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng lãi suất biên là 3,5%/năm, lãi suất biên có thể được thay đổi theo thỏa thuận của các bên trên cơ sở lãi suất thị trường tại từng thời điểm. Mục đích vay là để đầu tư mua trạm trộn bê tông công suất 60m³/h mới 100%. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản hình thành từ vốn vay, giá trị tài sản là 1.762.200.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư của khoản vay này là 615.000.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	7.886.640.000	3.954.640.000
Trong năm thứ hai	6.739.640.000	3.726.640.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	8.941.732.700	3.579.640.000
	<u>23.568.012.700</u>	<u>11.260.920.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	7.886.640.000	3.954.640.000
(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)		
Số phải trả sau 12 tháng	<u>15.681.372.700</u>	<u>7.306.280.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	9.828.000.000	-	-	11.359.623.497	1.548.173.059	16.887.428.103	89.623.224.659
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	11.802.167.168	11.802.167.168
Chuyển từ quỹ khác sang	-	-	1.225.495.749	-	(672.277.567)	-	-	553.218.182
Tăng khác	-	-	-	117.425	-	-	990.533.745	990.651.170
Trích các quỹ	-	-	-	-	6.630.798.977	782.342.827	(7.413.141.804)	-
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.306.489.367)	(3.306.489.367)
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(158.330.677)	(158.330.677)
Số dư tại ngày 01/01/2011	50.000.000.000	9.828.000.000	1.225.495.749	117.425	17.318.144.907	2.330.515.886	11.802.167.168	92.504.441.135
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	12.253.229.496	12.253.229.496
Chuyển từ quỹ khác sang	-	-	4.171.597.366	-	(4.171.597.366)	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	586.285	-	-	-	586.285
Trích các quỹ	-	-	-	-	3.088.184.452	474.266.000	(3.562.450.452)	-
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	(182.800.000)	-	-	(182.800.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.180.216.716)	(1.180.216.716)
Giảm khác	-	-	-	(703.710)	-	-	(59.500.000)	(60.203.710)
Số dư tại ngày 31/12/2011	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	-	16.051.931.993	2.804.781.886	12.253.229.496	96.335.036.490



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần ngày 16 tháng 02 năm 2011 (thay đổi lần 8) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn thực góp đến ngày 31/12/2011		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền
		%	VND		%	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.550.000	51,00%	25.500.000.000	2.550.000	51,00%	25.500.000.000
Các cổ đông khác	2.450.000	49,00%	24.500.000.000	2.450.000	49,00%	24.500.000.000
	5.000.000	100,00%	50.000.000.000	5.000.000	100,00%	50.000.000.000

Cổ tức và trích các quỹ

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

- Cổ tức được chia với tỉ lệ 14% tương ứng với số tiền là 7.000.000.000 VND;
- Quỹ đầu tư phát triển được trích là 3.088.184.452 VND;
- Quỹ dự phòng tài chính được trích là 474.266.000 VND;
- Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được trích là 1.180.216.716 VND.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	812.440.652.491	535.469.367.972
Doanh thu khác	29.225.207.550	15.371.627.207
	841.665.860.041	550.840.995.179

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	744.515.746.576	494.359.995.787
Giá vốn khác	27.491.883.608	14.670.147.030
	772.007.630.184	509.030.142.817

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	699.589.858	538.464.338
Cổ tức, lợi nhuận được chia	497.352.000	229.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	703.710	-
	1.197.645.568	767.964.338

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	38.056.239.891	17.992.685.149
Hoàn nhập dự phòng	-	(491.223.761)
	38.056.239.891	17.501.461.388

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	16.171.855.330	15.659.722.890
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(497.352.000)	(229.500.000)
Thu nhập chịu thuế	15.674.503.330	15.430.222.890
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.918.625.834	3.857.555.722
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	3.918.625.834	3.857.555.722

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Quyết định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.253.229.496	11.802.167.168
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.451	2.360

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	580.768.804.350	353.042.638.966
Chi phí nhân công	131.389.901.479	92.342.270.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.449.735.160	7.506.984.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.798.996.128	117.332.638.213
Chi phí khác bằng tiền	21.616.804.447	17.375.467.153
Các khoản dự phòng	5.797.635.476	423.268.545
	866.821.877.040	588.023.267.633

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 15, trừ số dư tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	36.570.355.005	24.676.167.552
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.209.466.260	199.942.964.181
Tài sản tài chính khác	3.116.000.000	1.700.276.147
Tổng cộng	237.895.821.265	226.319.407.880
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	267.519.779.966	172.684.344.161
Phải trả người bán và phải trả khác	194.907.149.735	134.916.916.130
Chi phí phải trả	21.445.515.592	12.281.410.381
Tổng cộng	483.872.445.293	319.882.670.672

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và không bao gồm tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	251.838.407.266	15.681.372.700	267.519.779.966
Phải trả người bán và phải trả khác	194.907.149.735	-	194.907.149.735
Chi phí phải trả	21.445.515.592	-	21.445.515.592
	<u>468.191.072.593</u>	<u>15.681.372.700</u>	<u>483.872.445.293</u>
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	165.378.064.161	7.306.280.000	172.684.344.161
Phải trả người bán và phải trả khác	134.916.916.130	-	134.916.916.130
Chi phí phải trả	12.281.410.381	-	12.281.410.381
	<u>312.576.390.672</u>	<u>7.306.280.000</u>	<u>319.882.670.672</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính không bao gồm lãi từ các tài khoản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	36.570.355.005	-	36.570.355.005
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.209.466.260	-	198.209.466.260
Tài sản tài chính khác	3.116.000.000	-	3.116.000.000
	<u>237.895.821.265</u>	<u>-</u>	<u>237.895.821.265</u>
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	24.676.167.552	-	24.676.167.552
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.942.964.181	-	199.942.964.181
Tài sản tài chính khác	1.700.276.147	-	1.700.276.147
	<u>226.319.407.880</u>	<u>-</u>	<u>226.319.407.880</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

Doanh thu bán hàng	2011 VND	2010 VND
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	136.070.657.612	19.744.004.183
Công ty CP Xây dựng số 9	150.111.413.982	9.169.741.818
Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	102.727.585.690	-
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	12.863.427.073	-
BDH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	-	6.746.940.400
BDH Ký túc xá ĐHQG TP.HCM	1.629.054.868	-
Công ty CP Xây dựng số 2 - Vinaconex 2	156.266.750	-
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	-	5.469.754.187
BQL DA ĐTXD Hạ tầng công nghiệp Sông Đà Hà Nội	-	315.369.701
Công ty CP Vimeco	16.521.231.795	-

Số dư với các bên liên quan

Phải thu	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty CP Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	167.586.812	167.586.812
BDH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	10.641.345.152	-
BDH Ký túc xá ĐHQG TP.HCM	-	2.321.347.058
BDH Thi công GĐ 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	852.849.085	9.191.243.917
Ban QLDA xây dựng hệ thống nước Sông Đà	690.836.857	690.836.857
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	1.489.466.478	4.900.166.516
Công ty CP Xây dựng số 11	857.974.828	918.897.905
Công ty CP ĐTXD và PT Năng lượng Vinaconex	6.000.000.000	12.325.928.835
Công ty CP ĐTXD & KT Vinaconex E&C	1.297.316.851	2.897.316.851
Công ty CP Vimeco	1.850.731.631	1.477.376.656
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	-	10.491.898.887
Công ty CP Xây dựng Công trình Ngầm Vinavico	24.915.092.420	13.760.535.281
Công ty CP Xây dựng số 9	59.918.766.632	48.642.025
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	37.701.980.335	46.399.256.567

Trả trước cho người bán	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty CP Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	10.894.365.008	7.028.252.304
Công ty CP Xây dựng số 1 (Vinaconex 1)	109.409.169	109.409.169
Công ty CP Vinaconex 6	-	287.378.800
Công ty CP Kinh doanh Vinaconex	227.663.617	-
Công ty CP Xây dựng số 11 (Vinaconex 11)	11.734.999	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)*Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)*

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả		
Công ty CP Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	16.558.758.436	9.166.382.253
Công ty CPĐT và PT nhà đô thị Vinaconex (Công trình No5)	-	16.194.374.656
Công ty CP ĐTXD&PT Hạ tầng Vinaconex 34	162.044.497	362.044.497
Công ty CP Xây dựng số 12 (Vinaconex 12)	53.200.000	75.564.000
Công ty CP ĐTXD&KT Vinaconex E&C	1.353.474.270	344.599.619
Công ty CP Kinh doanh Vinaconex	-	346.060.000
Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex (Chợ mớ)	-	13.672.353
Công ty CP Vimeco	31.901.162.112	46.625.978.717
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	266.805.644	98.747.694
Công ty CP Xây dựng số 9 (Vinaconex 9)	577.833.205	394.918.800
Công ty CP Xây dựng số 6 (Vinaconex 6)	510.453.400	-
Công ty CP Xây dựng số 21 (Vinaconex 21)	1.286.829.000	-
Công ty CP Xây dựng số 25 (Vinaconex 25)	647.565.000	-

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Người mua trả trước		
BĐH Dự án Xây dựng Đại học Quốc gia TP.HCM	19.774.886.766	20.625.351.000
BĐH Liên doanh Tổng thầu Vinaconex - POSCO E&C	-	2.865.530.132
BĐH Thi công GĐ 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	4.747.523.700	2.747.523.700
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	-	2.789.871.373
Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	7.027.222.435	39.843.460.769
Công ty CP Vimeco	3.590.466.036	4.344.399.166
Công ty CP Xây dựng số 2 (Vinaconex 2)	7.354.516.247	-
Công ty CP Xây dựng số 9	-	23.888.050.090
Tổng Công ty CP XNK&XD Việt Nam	15.184.751.000	11.324.132.384
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	861.857.598	-
Công ty CP Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	3.262.443.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc	529.972.000	407.193.000
	529.972.000	407.193.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Phân loại lại số liệu trên Bảng cân đối kế toán

Khoản mục	Số trước phân loại lại 31/12/2010 VND	Số sau phân loại lại 31/12/2010 VND	Chênh lệch VND
Trả trước cho người bán	39.198.164.778	15.923.564.926	23.274.599.852
Các khoản phải thu khác	40.723.479	23.315.323.331	(23.274.599.852)
Vay và nợ dài hạn	11.260.920.000	7.306.280.000	3.954.640.000
Vay và nợ ngắn hạn	161.423.424.161	165.378.064.161	(3.954.640.000)
Phải trả người bán	134.127.255.317	114.184.316.156	19.942.939.161
Các khoản phải trả, phải nộp khác	789.660.813	20.732.599.974	(19.942.939.161)

Phân loại lại số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Khoản mục	Số trước phân loại lại năm 2010 VND	Số sau phân loại lại năm 2010 VND	Chênh lệch VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	517.817.215.924	509.030.142.817	8.787.073.107
Chi phí tài chính	8.714.388.281	17.501.461.388	(8.787.073.107)

Phân loại lại số liệu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Khoản mục	Số trước phân loại lại năm 2010 VND	Số sau phân loại lại năm 2010 VND	Chênh lệch VND
Tăng các khoản phải trả	19.405.772.282	26.405.772.282	(7.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	-	(7.000.000.000)	7.000.000.000
Chi phí lãi vay	8.714.388.281	17.992.685.149	(9.278.296.868)
Tiền lãi vay đã trả	(8.714.388.281)	(17.992.685.149)	9.278.296.868

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2012

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng